

Số: 01/VBHN-BTNMT

*Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2015*

**QUYẾT ĐỊNH**

**QUY ĐỊNH VỀ THU NHẬN, LƯU TRỮ, XỬ LÝ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG DỮ LIỆU VIỄN THÁM QUỐC GIA**

Quyết định số 81/2010/QĐ-TTg ngày 13 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thu nhận, lưu trữ, xử lý, khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2011, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Quyết định số 76/2014/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 81/2010/QĐ-TTg ngày 13 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thu nhận, lưu trữ, xử lý, khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2015.

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, [1]*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh [2]**

Quyết định này quy định việc thu nhận, lưu trữ, xử lý, khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia; trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu nhận, lưu trữ, xử lý, khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quyết định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam trong việc thu nhận, lưu trữ, xử lý, khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài trong việc khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ [3]**

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Dữ liệu viễn thám* là các dữ liệu ảnh thu nhận từ vệ tinh viễn thám.
2. *Dữ liệu viễn thám mức 0* là dữ liệu viễn thám được thu nhận và xử lý trực tiếp từ tín hiệu vệ tinh tại trạm thu ảnh vệ tinh mà chưa qua bất cứ một quá trình hiệu chỉnh nào.
3. *Dữ liệu ảnh thô* là dữ liệu ảnh được xử lý sơ bộ, nhằm loại bỏ sai số trong của đầu thu ảnh.
4. *Dữ liệu sản phẩm ảnh* là dữ liệu ảnh đã được xử lý phổ và nắn chỉnh hình học.
5. *Dữ liệu viễn thám dạng bản chính* là dữ liệu ảnh thuộc phiên bản đầu tiên được mua hoặc nhận từ nước ngoài.
6. *Dữ liệu viễn thám dạng bản sao* là dữ liệu được sao nguyên từ dữ liệu viễn thám mức 0 hoặc từ dữ liệu viễn thám dạng bản chính.
7. *Dữ liệu viễn thám quốc gia* là dữ liệu viễn thám được thu nhận tại trạm thu ảnh vệ tinh ở Việt Nam, mua của nước ngoài bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có được thông qua trao đổi, hợp tác và nhận viện trợ của các quốc gia, các vùng lãnh thổ, các tổ chức quốc tế được các cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.
8. *Cơ sở dữ liệu viễn thám* là tập hợp các dữ liệu viễn thám đã được kiểm tra, đánh giá, xử lý, tích hợp và lưu trữ một cách hệ thống có tổ chức dưới dạng tệp tin dữ liệu lưu trên các hệ thống tin học, các vật mang tin gồm các loại ổ cứng, băng từ, đĩa CD, DVD và các hình thức khác.
9. *Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia* là tập hợp các dữ liệu viễn thám quốc gia đã được kiểm tra, đánh giá, xử lý, tích hợp và lưu trữ một cách hệ thống có tổ chức dưới dạng tệp tin dữ liệu lưu trên các hệ thống tin học, các vật mang tin gồm các loại ổ cứng, băng từ, đĩa CD, DVD và các hình thức khác.
10. *Siêu dữ liệu viễn thám* (tiếng Anh là Remote Sensing Metadata) là các thông tin mô tả về nội dung, nguồn gốc, chất lượng, phương pháp xử lý và các thông tin khác có liên quan đến dữ liệu viễn thám.

11. *Trạm thu ảnh vệ tinh* là hệ thống thiết bị phần cứng và phần mềm để thu nhận và xử lý tín hiệu viễn thám.

12. *Thu nhận dữ liệu viễn thám* là việc thu nhận dữ liệu tại trạm thu ảnh vệ tinh ở Việt Nam hoặc dưới hình thức mua, trao đổi, hợp tác, nhận viện trợ từ nước ngoài.

13. *Xử lý dữ liệu viễn thám* là quá trình xử lý để tạo ra dữ liệu ảnh thô; dữ liệu sản phẩm ảnh có giá trị gia tăng nhằm đáp ứng các yêu cầu của người sử dụng.

14. *Lưu trữ dữ liệu viễn thám* là quá trình thu thập, cập nhật, bảo quản dữ liệu phục vụ cho khai thác và sử dụng.

15. *Khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám* là quá trình lựa chọn, xử lý, giải đoán các thông tin cần thiết từ dữ liệu viễn thám cho những mục đích sử dụng cụ thể.”

#### **Điều 4. Nguyên tắc thu nhận, lưu trữ, xử lý, khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia**

1.[4] Việc thu nhận và lưu trữ dữ liệu viễn thám quốc gia do Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì thực hiện.

2. Việc thu nhận và xử lý dữ liệu viễn thám quốc gia phải thực hiện đúng quy trình và các yêu cầu kỹ thuật, bảo đảm tính khoa học, chính xác, trung thực, đáp ứng kịp thời, thuận tiện cho khai thác và sử dụng.

3. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia phải đúng mục đích, phục vụ công tác quản lý nhà nước, đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nghiên cứu khoa học, đào tạo và phòng tránh thiên tai.

## **Chương II**

### **THU NHẬN, LƯU TRỮ, XỬ LÝ DỮ LIỆU VIỄN THÁM QUỐC GIA**

#### **Điều 5. Thu nhận, xử lý dữ liệu viễn thám quốc gia**

1. Hình thức thu nhận dữ liệu viễn thám quốc gia bao gồm:

a)[5] Việc thu nhận tại trạm thu ảnh vệ tinh ở Việt Nam được tiến hành theo kế hoạch hàng năm, định kỳ năm (05) năm và theo yêu cầu nhiệm vụ đột xuất được Nhà nước giao do Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý.

b) Mua của nước ngoài bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trong trường hợp trạm thu ảnh vệ tinh ở Việt Nam và cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia không đáp ứng được yêu cầu về dữ liệu viễn thám;

c) Thông qua trao đổi, hợp tác và nhận viện trợ của các quốc gia, các vùng lãnh thổ và các tổ chức quốc tế nhưng phải được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

d)[6] Việc thu nhận tại trạm thu ảnh vệ tinh do nước ngoài cung cấp hoặc liên doanh với nước ngoài được tiến hành theo kế hoạch do cơ quan, tổ chức sở hữu trạm thu ảnh vệ tinh quản lý.

2. Dữ liệu viễn thám mức 0[7] trước khi đưa vào khai thác và sử dụng phải xử lý để tạo ra dữ liệu ảnh thô hoặc dữ liệu sản phẩm ảnh tại trạm thu ảnh vệ tinh ở Việt Nam theo yêu cầu nhiệm vụ được giao.

## **Điều 6. Lưu trữ dữ liệu viễn thám quốc gia**

1. Dữ liệu viễn thám quốc gia được lưu trữ dưới dạng mức 0[8], bản chính, bản sao, dữ liệu ảnh thô, dữ liệu sản phẩm ảnh và siêu dữ liệu.

2. Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia phải đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật để bảo đảm cho dữ liệu viễn thám luôn ở trạng thái chất lượng tốt và an toàn, sắp xếp có hệ thống và khoa học, dễ cập nhật, thuận tiện cho việc khai thác và sử dụng, có khả năng bảo mật cao.

3. Dữ liệu viễn thám quốc gia được lưu trữ trong hệ thống lưu trữ trực tuyến trên hệ thống máy chủ, hệ thống lưu trữ mạng hoặc lưu trữ trên các vật mang tin gồm băng từ, đĩa CD, DVD và các hình thức khác.

4. Dữ liệu viễn thám quốc gia quy định tại khoản 1 Điều này phải bảo quản và lưu trữ lâu dài theo quy định của pháp luật.

## **Điều 7. Công bố siêu dữ liệu viễn thám quốc gia**

1. Siêu dữ liệu viễn thám quốc gia được cập nhật và công bố thường xuyên trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên Internet, trang điện tử của cơ quan quản lý dữ liệu viễn thám quốc gia để phục vụ cho cộng đồng và các yêu cầu giám sát tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, phòng tránh thiên tai, nghiên cứu khoa học, đào tạo, phát triển kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường công số siêu dữ liệu viễn thám quốc gia thu tại trạm thu ảnh vệ tinh do Bộ quản lý và dữ liệu viễn thám quốc gia lưu trữ tại các cơ quan, tổ chức trực thuộc Bộ.

3. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố siêu dữ liệu viễn thám quốc gia do mình quản lý.

4. Cơ quan công bố siêu dữ liệu viễn thám quốc gia chịu trách nhiệm về dữ liệu mà mình công bố và phải tuân theo các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

### **Chương III**

## **KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG DỮ LIỆU VIỄN THÁM QUỐC GIA**

### **Điều 8. Hình thức, thủ tục khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia**

1. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu trên mạng Internet, trang điện tử phải tuân theo quy định về quản lý dữ liệu viễn thám quốc gia.

2. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng dữ liệu gửi phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu cho tổ chức quản lý dữ liệu viễn thám quốc gia;

b) Khi nhận được phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu hợp lệ của cơ quan, tổ chức, cá nhân thì tổ chức quản lý dữ liệu viễn thám quốc gia cung cấp dữ liệu cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu khai thác và sử dụng. Thời hạn cung cấp theo Quy chế cung cấp dữ liệu của tổ chức quản lý dữ liệu viễn thám quốc gia;

c) Tổ chức quản lý dữ liệu viễn thám quốc gia có trách nhiệm đáp ứng yêu cầu khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Trường hợp từ chối cung cấp dữ liệu thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do trong thời hạn chậm nhất là bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

3. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu thông qua hình thức hợp đồng dịch vụ hoặc văn bản thỏa thuận giữa bên cung cấp với bên khai thác và sử dụng theo quy định của pháp luật.

### **Điều 9. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia**

1. Tuân thủ quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định này.

2. Không được chuyên giao cho bên thứ ba dữ liệu do tổ chức quản lý dữ liệu viễn thám quốc gia cung cấp, trừ trường hợp đã có điều khoản trong hợp đồng hoặc trong văn bản thỏa thuận với tổ chức cung cấp.

3. Có nghĩa vụ tài chính về khai thác và sử dụng dữ liệu theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Quyết định này.

4. Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý dữ liệu viễn thám quốc gia về những sai sót của dữ liệu đã cung cấp.

5. Khiếu nại theo quy định của pháp luật khi bị vi phạm quyền khai thác và sử dụng dữ liệu.

## **Chương IV**

### **TÀI CHÍNH CHO VIỆC THU NHẬN, LƯU TRỮ, XỬ LÝ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG DỮ LIỆU VIỄN THÁM**

#### **Điều 10. Kinh phí thu nhận, lưu trữ, xử lý dữ liệu viễn thám quốc gia**

1. Kinh phí thu nhận, xử lý dữ liệu viễn thám mức 0[9], xây dựng, cập nhật và lưu trữ cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của pháp luật.

2. Không dùng nguồn vốn ngân sách nhà nước để mua dữ liệu viễn thám do nước ngoài thu nhận, nếu các loại dữ liệu ảnh này thu được tại trạm thu viễn thám của Việt Nam hoặc đã có trong cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia đáp ứng được yêu cầu khai thác và sử dụng.

#### **Điều 11. Kinh phí khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia**

1.[10] Khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia phục vụ mục đích an ninh, quốc phòng hoặc trong tình trạng khẩn cấp chỉ phải trả chi phí cần thiết để thực hiện công việc cung cấp dịch vụ khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia theo hướng dẫn của bộ Tài chính.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng dữ liệu không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.

3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định mức phí và hướng dẫn việc thu, nộp, sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia.

## **Chương V**

### **TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ DỮ LIỆU VIỄN THÁM QUỐC GIA**

#### **Điều 12. Trách nhiệm và quyền hạn của Bộ Tài nguyên và Môi trường**

1. Xây dựng và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về thu nhận, lưu trữ, xử lý, khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia; đơn giá các loại dữ liệu sản phẩm ảnh.

2. Tổng hợp các nhu cầu và lập kế hoạch thu nhận, xử lý dữ liệu viễn thám theo kế hoạch hằng năm, định kỳ năm (05) năm và quản lý, theo dõi việc thu nhận, xử lý dữ liệu viễn thám theo nhiệm vụ đột xuất nhà nước giao.

3. Hướng dẫn các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh việc lưu trữ, khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia.

4.[11] Thu nhận, lưu trữ dữ liệu viễn thám của nước ngoài và Việt Nam thu tại trạm thu ảnh vệ tinh do Bộ quản lý và các dữ liệu viễn thám, sản phẩm viễn thám khác của Bộ.

5. Xây dựng, cập nhật, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia và cung cấp cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

6. Xây dựng, cập nhật, công bố siêu dữ liệu viễn thám quốc gia theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Quyết định này.

7. Khai thác và sử dụng có hiệu quả dữ liệu viễn thám quốc gia trong các lĩnh vực thuộc Bộ quản lý.

8.[12] Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về viễn thám và xử lý vi phạm pháp luật về viễn thám theo quy định của pháp luật.

### **Điều 13. Trách nhiệm và quyền hạn của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

1. Xây dựng kế hoạch khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám phục vụ các nhiệm vụ hằng năm, định kỳ năm (05) năm của Bộ, ngành, địa phương và đề xuất nhu cầu về dữ liệu viễn thám, kể cả nhu cầu theo nhiệm vụ đột xuất với Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Quản lý, lưu trữ, bổ sung, cập nhật dữ liệu viễn thám và xây dựng cơ sở dữ liệu viễn thám địa phương ở Bộ, ngành, địa phương để cung cấp cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

3. Xây dựng, cập nhật, công bố siêu dữ liệu viễn thám ở Bộ, ngành, địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Quyết định này để đáp ứng yêu cầu khai thác và sử dụng.

4.[13] Cung cấp siêu dữ liệu viễn thám mua, nhận từ nước ngoài không ảnh hưởng đến bí mật quân sự theo quy định tại Điểm b, Điểm c và Điểm d Khoản 1 Điều 5 của Quyết định này cho Bộ Tài nguyên và Môi trường để tích

hợp vào cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia trong thời hạn chậm nhất là ba (03) tháng, kể từ ngày nhận được dữ liệu từ nhà cung cấp.

5. Khai thác và sử dụng có hiệu quả dữ liệu viễn thám quốc gia trong các lĩnh vực thuộc Bộ, ngành và địa phương quản lý.

### **Điều 13a. Trách nhiệm của các cơ quan được Chính phủ giao quản lý vệ tinh viễn thám của Việt Nam[14]**

Trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Tài nguyên và Môi trường yêu cầu xác định khả năng chụp ảnh của vệ tinh viễn thám Việt Nam, cơ quan quản lý vệ tinh viễn thám có trách nhiệm trả lời đề Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc mua tín hiệu hoặc dữ liệu ảnh viễn thám của nước ngoài.

## **Chương VI**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 14. Quy định về dữ liệu viễn thám quốc gia có trước ngày Quyết định này có hiệu lực**

Đối với dữ liệu viễn thám quốc gia có trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì các cơ quan, tổ chức đang quản lý dữ liệu có trách nhiệm xây dựng, cập nhật siêu dữ liệu viễn thám và gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia trong thời hạn chậm nhất là sáu (06) tháng, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

#### **Điều 15. Hiệu lực thi hành[15]**

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 02 năm 2011.

#### **Điều 16. Tổ chức thực hiện**

1. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ, Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và

**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

**BỘ TRƯỞNG**



Môi trường;  
- Công TTĐT Bộ Tài nguyên và Môi trường;  
- Lưu: VT, VPC, VTQG.

**Nguyễn Minh Quang**

---

[1] Quyết định số 76/2014/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 81/2010/QĐ-TTg ngày 13 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thu nhận, lưu trữ, xử lý, khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia, có căn cứ ban hành như sau:

*“Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về thu thập quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,”*

[2] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 76/2014/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 81/2010/QĐ-TTg ngày 13 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thu nhận, lưu trữ, xử lý, khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2015.

[3] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 76/2014/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 81/2010/QĐ-TTg ngày 13 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thu nhận, lưu trữ, xử lý, khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2015, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2015.

[4] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 của Quyết định số 76/2014/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 81/2010/QĐ-TTg ngày 13 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thu nhận, lưu trữ, xử lý, khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2015, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2015.

[5] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 của Quyết định số 76/2014/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 81/2010/QĐ-TTg ngày 13 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thu nhận, lưu trữ, xử lý, khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2015.

[6] Điểm này được bổ sung theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 của Quyết định số 76/2014/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 81/2010/QĐ-TTg ngày 13 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thu nhận, lưu trữ, xử lý, khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2015.

[7] Cụm từ “dạng bản gốc” được sửa đổi thành cụm từ “mức 0” theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 của Quyết định số 76/2014/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 81/2010/QĐ-TTg ngày 13 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thu nhận, lưu trữ, xử lý, khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2015.

[8] Cụm từ “dạng bản gốc” được sửa đổi thành cụm từ “mức 0” theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 của Quyết định số 76/2014/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 81/2010/QĐ-TTg ngày 13 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thu nhận, lưu trữ, xử lý, khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2015, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2015.

[9] Cụm từ “dữ liệu ảnh thô” được sửa đổi thành cụm từ “dữ liệu viễn thám mức 0” theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 của Quyết định số 76/2014/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 81/2010/QĐ-TTg ngày 13 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thu nhận, lưu trữ, xử lý, khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2015.

[10] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 của Quyết định số 76/2014/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 81/2010/QĐ-TTg ngày 13 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thu nhận, lưu trữ, xử lý, khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2015.

[11] Bổ sung cụm từ “của nước ngoài và Việt Nam” theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Quyết định số 76/2014/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 81/2010/QĐ-TTg ngày 13 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thu nhận, lưu trữ, xử lý, khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2015.

[12] Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Quyết định số 76/2014/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 81/2010/QĐ-TTg ngày 13 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thu nhận, lưu trữ, xử lý, khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2015.

[13] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 7 Điều 1 của Quyết định số 76/2014/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 81/2010/QĐ-TTg ngày 13 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thu nhận, lưu trữ, xử lý, khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2015.

[14] Điều này được bổ sung theo quy định tại Khoản 8 Điều 1 của Quyết định số 76/2014/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 81/2010/QĐ-TTg ngày 13 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thu nhận, lưu trữ, xử lý, khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2015.

[15] Điều 2 và Điều 3 của Quyết định số 76/2014/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 81/2010/QĐ-TTg ngày 13 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thu nhận, lưu trữ, xử lý, khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2015, quy định như sau:

**“Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2015.

**Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.”